

BẢN CÔNG KHAI MỨC TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU CỦA KIỂU LOẠI XE

1. Thông tin chung

- 1.1. Tên cơ sở sản xuất/ nhập khẩu: Công ty TNHH DV Xuất Nhập Khẩu Tân Lâm Anh
- 1.2. Địa chỉ: 1244 Đường 3 tháng 2, Phường 8, Quận 11, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam
- 1.3. Loại xe phương tiện: Xe mô tô 2 bánh ⁽¹⁾:
- 1.4. Nhãn hiệu: HONDA
- 1.5. Tên thương mại: SCOOPY
- 1.6. Mã kiểu loại (Số loại): F1C02N47L0 A/T, F1C02N47L0A A/T
- 1.7. Số giấy chứng nhận⁽²⁾: 21KXM/320310, 21KXM/321189
- 1.8. Số Báo cáo thử nghiệm tiêu thụ nhiên liệu số: 4716/NETC-M/21/C ngày 07/05/2021

2. Thông số kỹ thuật của xe

- 2.1. Khối lượng bản thân: 94 (kg)
- 2.2. Khối lượng toàn bộ lớn nhất: 226 (kg)
- 2.3. Động cơ
 - 2.3.1. Kiểu động cơ: JM02E Loại động cơ: 4 kỳ, 1 xi lanh, làm mát bằng chất lỏng
 - 2.3.2. Thể tích làm việc (Dung tích xy lanh): 109,51 cm³.
 - 2.3.3. Công suất lớn nhất/số vòng quay: 6,6 kW/7500 rpm
- 2.4. Hệ thống cung cấp nhiên liệu: phun nhiên liệu⁽¹⁾
- 2.5. Hộp số
 - 2.5.1. Điều khiển: Tự động ⁽¹⁾
 - 2.5.2. Số lượng tỷ số truyền: vô cấp.
 - 2.5.3. Tỷ số truyền từng cấp số: 2,520 ÷ 0,820
- 2.6. Tỷ số truyền cuối cùng: 10,625.
- 2.7. Lốp
 - 2.7.1. Ký hiệu cỡ lốp trực 1: 100/90-12M/C áp suất lốp: 225 kPa
 - 2.7.2. Ký hiệu cỡ lốp trực 2: 110/90-12M/C áp suất lốp: 225 kPa
- 2.8. Vận tốc thiết kế lớn nhất do cơ sở sản xuất quy định: km/h



3. Công khai mức tiêu thụ nhiên liệu

3.1. Chu trình thử: QCVN 77:2014/ BGTVT (TCVN 7357:2010) ⁽¹⁾

3.2. Mức tiêu thụ nhiên liệu công khai: 1,720 l/100 km

4. Mẫu nhãn năng lượng công khai: kích thước: 50x70 (mm)



5. Ghi chú (nếu có):

Tp.HCM, ngày 10 tháng 06 năm 2021
Công ty TNHH DV XNK Tân Lâm Anh



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quang Anh

Ghi chú:

⁽¹⁾ Gạch ngang phần không áp dụng.

⁽²⁾ Đối với xe sản xuất, lắp ráp: số giấy chứng nhận kiểu loại

Đối với xe nhập khẩu: số giấy chứng nhận cấp cho xe nhập khẩu thử nghiệm